

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 04 - 2022

V/v tranh chấp “*Xin ly hôn,  
Nuôi con chung*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Lắm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hoa.

2. Ông Ngô Văn Bi.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lưu Duy Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Khắc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 04 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Huỳnh Thị C, sinh năm 1983 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Q, xã Z, huyện Y, Tiền Giang.

- *Bị đơn:* anh Ngô Quốc D, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Q, xã Z, huyện Y, Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị C trình bày:*

Chị và anh D tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới vào năm 2002, có đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 8 năm 2007 tại UBND xã Z, huyện O (Nay là huyện Y), tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc

được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh D không biết lo kinh tế gia đình, thường xuyên cờ bạc, chị C đã nhiều lần khuyên can nhưng anh D không sửa đổi; hiện nay, giữa anh D và chị C đã sống ly thân từ tháng 7/2021 cho đến nay. Nhận thấy hôn nhân đã rơi vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, không thể cứu vãn, mục đích hôn nhân không còn, chị C yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị C yêu cầu ly hôn với anh Ngô Quốc D.

Về con chung: Giữa chị Cẩm và anh Cảnh có 02 con chung tên Ngô Thị Mỹ U, sinh ngày 11/4/2004 và Ngô Quốc T, sinh ngày 24/3/2012. Ly hôn, chị C yêu cầu được trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng cháu T; chưa yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu U, do cháu đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động được nên chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Chị C xác định không có.

*\* Quá trình tố tụng bị đơn anh Ngô Quốc D đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh D không đến Tòa án để tham dự phiên hòa giải và tham dự phiên tòa, cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị C..*

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: cho chị Huỳnh Thị C được ly hôn với anh Ngô Quốc D.

+ Về con chung: Giao con chung Ngô Quốc T, sinh ngày 24/3/2012 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng; chị C chưa yêu cầu anh D yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Ngô Thị Mỹ U, sinh ngày 11/4/2004 đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động được nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về tố tụng:* Tại phiên tòa, chị C có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét

xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đây là vụ án tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con chung*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của chị C về việc xin ly hôn, nuôi con chung*; Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị C và anh D có quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, các bên có tổ chức đám cưới vào năm 2002, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Z cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71 ngày 10/8/2007 nên quan hệ hôn nhân của chị C và anh D là hợp pháp kể từ ngày đăng ký kết hôn.

Chị C trình bày cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do nguyên nhân do anh D không biết lo kinh tế gia đình, thường xuyên cờ bạc, chị C đã nhiều lần khuyên can nhưng anh cảnh không sửa đổi. Mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng nên hai vợ chồng đã sống ly thân. Anh D không tham dự phiên hòa giải và tham dự phiên tòa để được hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó, cho thấy anh D cũng không tha thiết đến cuộc hôn nhân với chị C. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Chị C trình bày anh chị có Ngô Thị Mỹ U, sinh ngày 11/4/2004 và Ngô Quốc T, sinh ngày 24/3/2012. Hiện cháu Trí đang sống với chị C, xét thấy cháu T đang do chị chăm trực tiếp nuôi; anh C chưa có ý kiến về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu T cho chị C tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Đối với cháu Ngô Thị Mỹ U, sinh ngày 11/4/2004 đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị C trình bày anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh D không phải chịu án phí.

Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Huỳnh Thị C được ly hôn với anh Ngô Quốc D.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung Ngô Quốc T, sinh ngày 24/3/2012 cho chị Huỳnh Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C chưa yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Chị C và các thành viên trong gia đình chị C không được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị C phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0008038 ngày 03/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông. Chị C đã nộp xong án phí.

Chị C, anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện TPĐ;
- Chi cục THADS huyện TPĐ;
- Các đương sự;
- UBND xã Z, huyện TPĐ;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Văn Lắm**

